

CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV NAM PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV NAM PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108928731

3. Ngày thành lập: 02/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 95 Cẩm Hội, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0929222229

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ (Trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)	0220
2.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3.	Khai thác và thu gom than non	0520
4.	Khai thác dầu thô	0610
5.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
6.	Khai thác quặng sắt	0710
7.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: - Khai thác quặng bôxít; - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu;	0722
8.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
9.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Khai thác đá; - Khai thác cát, sỏi; - Khai thác đất sét;	0810
10.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
11.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
12.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
13.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
14.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ.	1610
15.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

16.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ	1622
17.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
19.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
20.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: - Sản xuất plastic nguyên sinh - Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
21.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
22.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
23.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại; Sản xuất hóa dược và dược liệu.	2100
24.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất bao bì từ plastic; - Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;	2220
25.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
26.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
27.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
28.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
29.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
30.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
31.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
32.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
33.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
34.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
35.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
36.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
37.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
38.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
39.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
40.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

42.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
43.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
44.	Xây dựng nhà để ở	4101
45.	Xây dựng nhà không để ở	4102
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Xây dựng công trình điện	4221
48.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
49.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
50.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
51.	Xây dựng công trình thủy	4291
52.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
53.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
54.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
61.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa; - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
62.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
63.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới ô tô con 9 chỗ ngồi trở xuống (không kể người lái), loại mới và loại đã qua sử dụng. (Trừ đấu giá)	4513

64.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác; + Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế, + Xử lý chống gỉ, + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.	4520(Chính)
65.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4530
66.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn mô tô, xe máy; - Bán lẻ mô tô, xe máy; - Đại lý mô tô, xe máy. (Trừ đấu giá)	4541
67.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
68.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. (Trừ đấu giá)	4543
69.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa. (Trừ đấu giá)	4610
70.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm bảo vệ sức khỏe	4632
71.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633

72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
73.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
74.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
75.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Mua bán máy móc, phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị điện, thiết bị cơ điện lạnh, thiết bị phòng cháy chữa cháy.	4659
76.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn dầu thô; - Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.	4661
77.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su.	4663
78.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690

79.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
80.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
81.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
82.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm bảo vệ sức khỏe	4722
83.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
84.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su.	4752
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
86.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
87.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
88.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
89.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
90.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

91.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan).	5210
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
94.	Bốc xếp hàng hóa	5224
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics.	5229
97.	Chuyển phát Chi tiết: - Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải của doanh nghiệp hoặc các phương tiện vận tải công cộng; - Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện; - Dịch vụ giao hàng tận nhà.	5320
98.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
99.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
100.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
101.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
102.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
103.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
104.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
105.	Hoạt động viễn thông khác	6190
106.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn chính, thuế, kiểm toán, kế toán và chứng khoán).	6619
107.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ đấu giá)	6820
108.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán và chứng khoán)	7020

109.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Khảo sát xây dựng; (Điều 73 Luật Xây dựng 2014) - Giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng (Điều 8 Luật Xây Dựng 2014) - Tư vấn quản lý dự án (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Thiết kế xây dựng công trình (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung NĐ 100/2018/NĐ-CP); - Lập dự án đầu tư xây dựng (Điều 52 Luật Xây dựng 2014); - Thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Điều 56 Luật Xây Dựng); - Giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 120 Luật Xây dựng 2014); - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây dựng 2014); - Lập quy hoạch đô thị (Điều 10 Luật Quy hoạch đô thị 2009) - Lập quy hoạch xây dựng (Điều 60 Nghị định 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung NĐ 100/2018/NĐ-CP)	7110
110.	Quảng cáo (Trừ các loại Nhà nước cấm)	7310
111.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
112.	Đại lý du lịch	7911
113.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Điều hành tua du lịch, kinh doanh lữ hành	7912
114.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
115.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
116.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
117.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
118.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631
119.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các phòng hát karaoke. - Hoạt động của các sàn nhảy.	9329

120.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Trang trí nội thất; - Trang trí ngoại thất.	7410
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ MINH QUANG	Số 24 Đồng Nhân B, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	2,000	033076002795	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.000	60.000.000	2,000		

2	NGUYỄN MẠNH TÙNG	Số 19 Vạn Hoàng, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	288.000	2.880.000.000	96,000	012665523	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	288.000	2.880.000.000	96,000		
3	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	Số 24 Đồng Nhân B, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	2,000	0011820238 50	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.000	60.000.000	2,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN MẠNH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 04/02/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012665523

Ngày cấp: 22/12/2010

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 19 Vạn Hoàng, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 19 Vạn Hoàng, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội